

形容詞

xíng róng cí

2019@Indian Institute of Technology Madras

袁筱惠

Yuan Hsiao-Hui

yuanxiaohuitw@gmail.com

Office: HSB-346 #4510



學生

xuei shengstudent



小學

xiao xueprimary



中學

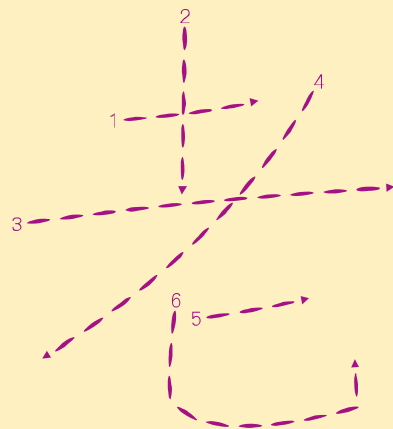
zhong xuemiddle school



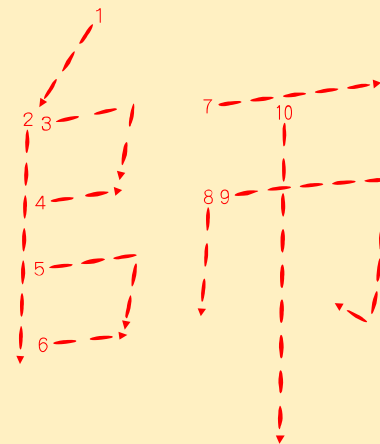
大學

da xueuniversity



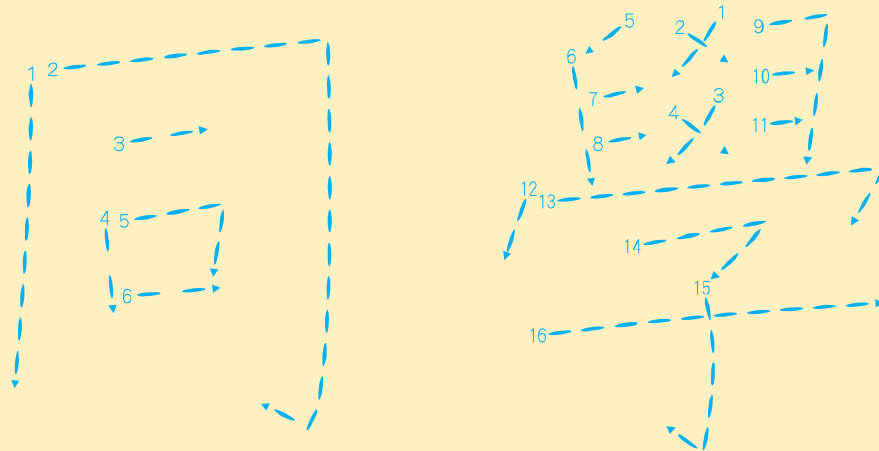


lǎo



shī





tóng

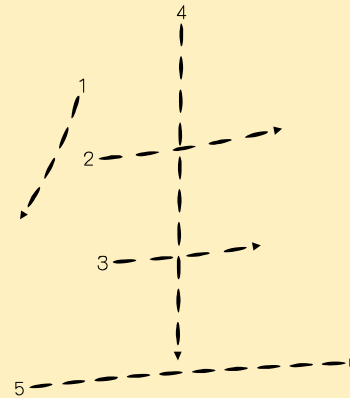
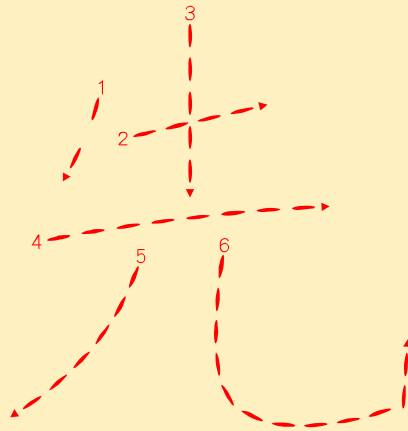
classmate



小姐

Xiao jiemi

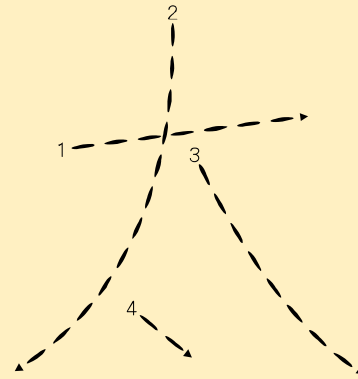
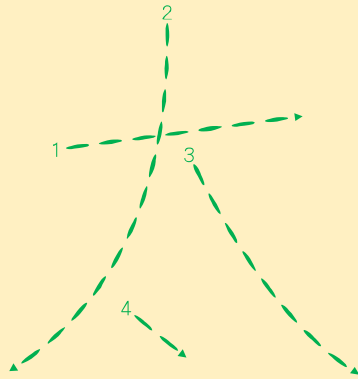




xiān

xian sheng Mr./mister





tài

tai taiMrs



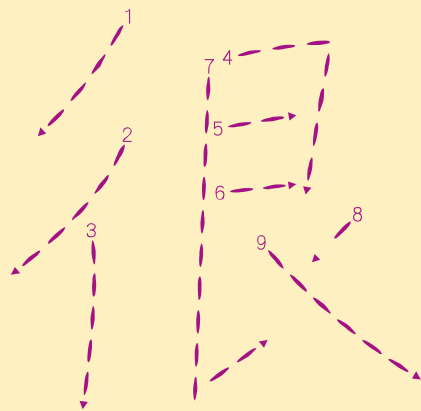
你

我

他

tā





hěn

adjective , so



我很好

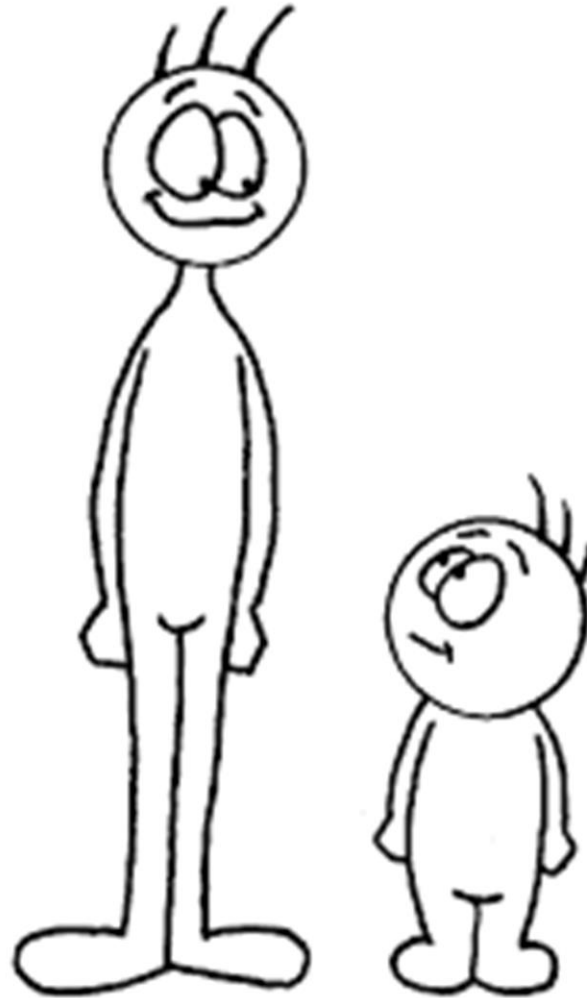


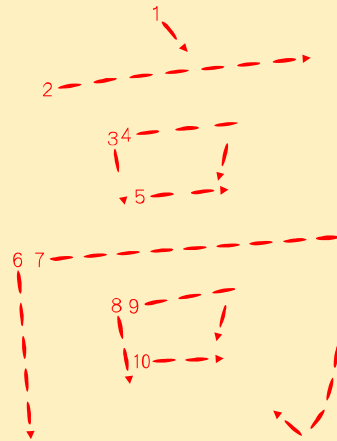
老



老師很老



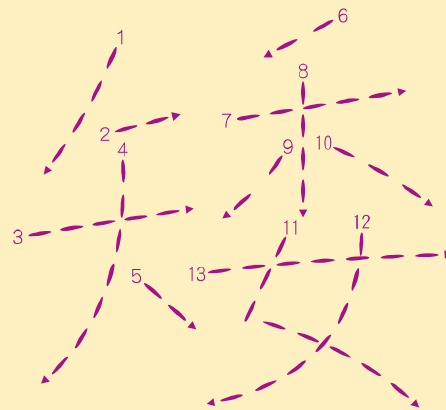




gāo

tall



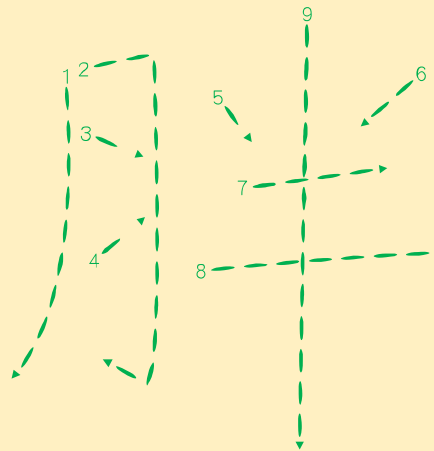


ăi

short



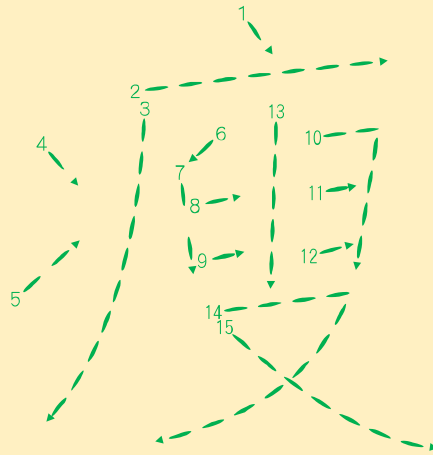




pàng

fat



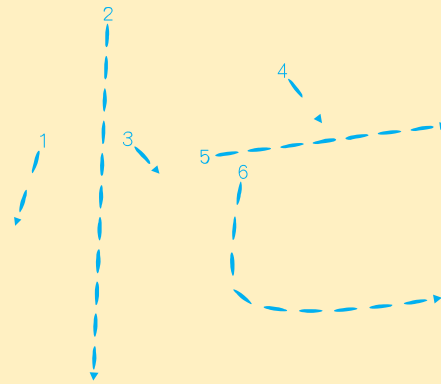


shòu

thin





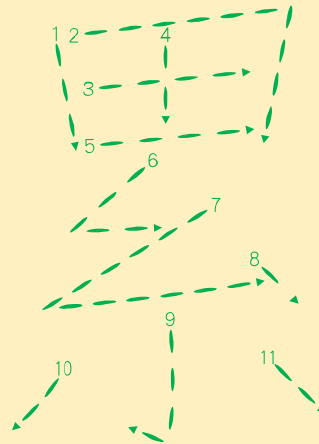


máng

busy







lèi

tired



下課

Xià kè

